

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1930 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 01 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng đất có nhà ở do GPMB dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (đợt 6)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 600/TTr-STNMT ngày 30/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%) là 34.382.347.000 đồng (Ba mươi bốn tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng). Trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 33.620.183.000 đồng;
- Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB: 88.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 674.164.000 đồng;

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. **Nguồn vốn chi trả:** Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD, PVP KT;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QL1D ĐẾN QL19 (MỚI)

Địa điểm: phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m ²)	Diện tích hệ đề nghị thu hồi phân còn lại (m ²)	Tổng diện tích thu hồi được bồi thường (m ²)	Trong đó			Nhân khẩu	Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ				Giá trị BT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT	Giao đất tái định cư			
			Số thửa	Mảnh trích đo số	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m ²)					Đất ở (m ²)	Đất SX nông nghiệp (m ²)	DT không bồi thường (m ²)			Hỗ trợ chuyển đổi nghề/Hỗ trợ 50% giá đất ở	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường di chuyển tài sản và hỗ trợ tiền thuê nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB							
I	Các hộ gia đình, cá nhân được cấp GCN QSD đất ở							1.256,9	0,0	1.202,5	418,0	784,5	54,4		7.480.265.000	1.432.169.200	35.712.000	90.500.000	43.000.000	2.563.435.792	48.537.500	11.693.619.492				
1	Nguyễn Thành Linh	kv6, Nhơn Phú	36	1	43	329,6	ODT	38,5		38,5	38,5			1.347.500.000				17.000.000	7.000.000	650.126.460		2.021.626.460				
2	Trần Quang Nhứt, vợ Võ Thị Phương Mai	kv6, Nhơn Phú	2	1	44	150,4	ODT	27,3		27,3	27,3			955.500.000				17.000.000	7.000.000	234.943.790	157.500	1.214.601.290				
3	Huỳnh Thị Đào	kv6, Nhơn Phú	78	1	44	125,3	ODT	4,0		4,0	4,0			140.000.000					5.000.000		87.781.640		232.781.640			
4	Lê Văn Tường	kv6, Nhơn Phú	30	1	44	126,9	ODT	16,9		16,9	16,9			591.500.000					6.000.000		238.708.016	1.312.500	837.520.516			
5	Võ Kim Hưng, vợ Trần Thị Cư	kv6, Nhơn Phú	31	1	44	96,3	ODT	11,6		11,6	8,9	2,7		312.499.000	85.050.000				5.000.000		83.423.318		485.972.318			
8	Lê Tấn Hùng, vợ Tô Thị Tín	kv6, Nhơn Phú	12	1	44	82,4	ODT	82,4		82,4	82,4			2.884.000.000				29.000.000	7.000.000	515.873.348		3.435.873.348	TĐC			
9	Trương Thị Nghi	kv8, Nhơn Phú	171	2	55	1.501,7	ODT+BHK	40,0		40,0	40,0			160.000.000					1.000.000		6.987.245	6.220.000	174.207.245	TĐC		
10	Hồ Văn Tính, vợ Nguyễn Thị Kim Lang	kv8, Nhơn Phú	62	2	55	1.036,2	ODT+BHK	1.036,2		981,8	200,0	781,8	54,4	1.089.266.000	1.347.119.200	35.712.000	27.500.000	5.000.000	745.591.975	40.847.500	3.291.036.675		745.591.975	40.847.500	3.291.036.675	TĐC
II	Các hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp GCN QSD đất							529,4	11,7	523,4	523,4	17,7	0,0		17.355.931.000	309.750.000	0	144.500.000	35.000.000	3.386.449.647	737.600	21.232.368.247				
11	Nguyễn Tấn Hay, vợ Trần Thị Cẩm	kv6, Nhơn Phú	8	1	44	247,9	ODT	236,2	11,7	230,2	230,2	17,7		7.093.931.000	309.750.000			29.000.000	7.000.000	1.710.894.591		9.150.575.591	TĐC			
12	Nguyễn Đình Thanh, vợ Trần Thị Anh	kv6, Nhơn Phú	9	1	44	78,0	ODT	78,0		78,0	78,0			2.730.000.000				27.000.000	5.000.000	345.638.599	737.600	3.108.376.199	TĐC			
13	Đoàn Huyện	kv6, Nhơn Phú	280	1	44	44,4	ODT	44,4		44,4	44,4			1.554.000.000				27.000.000	5.000.000	214.253.308		1.800.253.308	TĐC			
14	Phạm Văn Nga	kv6, Nhơn Phú	10	1	44	129,5	ODT	129,5		129,5	129,5			4.532.500.000				27.500.000	5.000.000	456.612.724		5.021.612.724	TĐC			

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m ²)	Diện tích hệ đề nghị thu hồi phân còn lại (m ²)	Tổng diện tích thu hồi được bồi thường (m ²)	Trong đó			Nhân khẩu	Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ				Giá trị BT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT	Giao đất tái định cư	
			Số thửa	Mảnh trích đo số	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m ²)					Đất ở (m ²)	Đất SX nông nghiệp (m ²)	DT không bồi thường (m ²)			Hỗ trợ chuyển đổi nghề/Hỗ trợ 50% giá đất ở	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường di chuyển tài sản và hỗ trợ tiền thuê nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB					
15	Trần Thị Lập	kv6, Nhơn Phú	34	1	44	253,3	ODT	23,0		23,0	23,0			805.000.000			17.000.000	7.000.000	467.031.522		1.296.031.522			
16	Lê Văn Mãng, vợ Võ Thị Phú	kv6, Nhơn Phú	29	1	44	98,7	ODT	18,3		18,3	18,3			640.500.000			17.000.000	6.000.000	192.018.902		855.518.902			
III	Các hộ gia đình, cá nhân được cấp GCN QSD đất nông nghiệp							1.313,2	0,0	1.313,2	0,0	1.313,2	0,0	213.788.960	520.989.600	11.160.000	0	5.000.000	1.215.000	13.805.300	765.958.860			
17	Lê Văn Luyện	kv6, Nhơn Phú	330	1	50	426,7	BHK	139,8		139,8	139,8			22.759.440				5.000.000	0	8.525.000	36.284.440			
18	Trần Như (chết), vợ Đinh Thị Nữa (chết), con Trần Văn Út đại diện kê khai	kv6, Nhơn Phú	55	1	50	1.932,1	LUC	1.173,4		1.173,4	1.173,4			191.029.520	520.989.600	11.160.000			1.215.000	5.280.300	729.674.420			
IV	Các hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà trên đất lấn chiếm							72,0	0,0	0,0	0,0	0,0	72,0		0	0	0	0	5.000.000	0	0	5.000.000		
19	Lê Thị Đinh, con Nguyễn Thị Mộng Mai	kv6, Nhơn Phú	142	2	54	72,0	ODT	72,0		0,0	0,0	72,0		0				5.000.000			5.000.000			
V	Hộ gia đình, cá nhân được điều chỉnh bổ sung giá trị bồi thường																					11.236.800	11.236.800	
20	Phạm Đo																					11.236.800	11.236.800	
A. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ							3.171,5	11,7	3.039,1	941,4	2.115,4	126,4	0,0	25.049.984.960	2.262.908.800	46.872.000	235.000.000	88.000.000	5.951.100.438	74.317.200	33.708.183.000			
B. Chi phí GPMB: (A x 2%)																						674.164.000		
Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và 2%																							34.382.347.000	